

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Tờ trình số 23/2022/TT-ĐHĐCĐ ký ngày 30/03/2022  
về việc thông qua hợp đồng vay giữa Công ty Cổ phần Dược Danapha  
và Công ty DANHSON – BG LTD.,)

Danh sách các Ngân hàng TMCP trong nước và lãi suất cho vay dài hạn năm đầu tiên của Dự án qua khảo sát như sau:

| STT | Tên ngân hàng                        | Lãi suất vay dài hạn năm đầu tiên (%/năm) |
|-----|--------------------------------------|---|
| 1   | Vietcombank (Ngoại thương Việt Nam)  | 7,5                                       |
| 2   | Vietinbank (Công Thương Việt Nam)    | 7,7                                       |
| 3   | Techcombank (Kỹ Thương Việt Nam)     | 7,49                                      |
| 4   | VIB (Quốc tế Việt Nam)               | 8,8                                       |
| 5   | VPBank (Việt Nam Thịnh Vượng)        | 6,9 - 8,6                                 |
| 6   | ACB (Á Châu)                         | 7,5 - 9,0                                 |
| 7   | Sacombank (Sài Gòn Thương Tín)       | 7,5 - 8,5                                 |
| 8   | BIDV (Đầu tư và Phát triển Việt Nam) | 6,6 - 7,8                                 |
| 9   | TPBank (Tiên Phong)                  | 6,9 - 9,9                                 |
| 10  | Maritime Bank (Hàng hải Việt Nam)    | 6,99                                      |
| 11  | OCB (Phương Đông)                    | 5,99-7,2                                  |

Theo thông lệ chung của Việt Nam, sau năm đầu tiên sử dụng vốn vay, các kỳ trả lãi tiếp theo (quý/6 tháng/năm tùy theo quy định từng ngân hàng) lãi suất vay sẽ được thả nổi theo thị trường. Định kỳ, ngân hàng sẽ đánh giá lại lãi suất. Dự kiến từ năm thứ hai lãi suất cho vay sẽ giao động từ 10 đến 12%/năm hoặc hơn nữa.

Hiện tại, để phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu, Công ty có vay ngoại tệ ngắn hạn với các mức lãi suất khá cạnh tranh tại một số ngân hàng như sau:

| STT | Tên ngân hàng                       | Lãi suất vay ngoại tệ (usd) ngắn hạn 6 tháng (%/năm) |
|-----|-------------------------------------|--|
| 1   | Vietcombank (Ngoại thương Việt Nam) | 2,8%   |
| 2   | Vietinbank (Công Thương Việt Nam)   | 2,8 - 3%   |
| 3   | Techcombank (Kỹ Thương Việt Nam)    | 2,65%  |

Tuy nhiên, căn cứ Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016 và căn cứ theo Điều 3, Thông tư số 06/VBHN-NHNN ngày 11/01/2019 về quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú, thì hiện tại các ngân hàng TMCP ở Việt Nam chưa được phép cho vay dài hạn ngoại tệ để vay phục vụ dự án (*Các khoản vay mua máy móc thiết bị phục vụ dự án buộc phải nhập khẩu vẫn phải vay tiền VND quy đổi*).

Để tìm nguồn vốn hiệu quả cho việc thực hiện Dự án, Ban lãnh đạo Công ty đã đàm phán vay vốn của đối tác nước ngoài là Công ty DANHSON - BG LTD. Theo đàm phán ban đầu, đồng tiền cho vay là USD với lãi suất là 3%/năm. Tuy nhiên, do tình hình bất ổn hiện nay, đối tác không có nguồn tiền bằng USD và đối tác chỉ cung cấp được khoản vay bằng Euro với lãi suất cố định 3,5%/năm cho suốt thời gian vay.

Theo nghị quyết số 109/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/12/2021 thì số tiền 192 tỷ đồng dành cho Dự án từ nguồn vốn vay nước ngoài sẽ tương đương với **7.500.000 Euro**. Việc vay ngoại tệ dài hạn với đối tác Công ty DANHSON - BG LTD với lãi vay thấp và cố định trong suốt thời gian vay sẽ giúp Công ty chủ động trong việc chuẩn bị dòng tiền thanh toán lãi vay hàng năm.

Tham khảo tỷ giá Euro tại một số thời điểm tại Vietcombank

| Ngày tham khảo tỷ giá | Mua (Chuyển khoản) | Bán       | Chênh lệch tỷ giá giữa các thời điểm | % Chênh lệch |
|-----------------------|--------------------|-----------|--------------------------------------|--------------|
| 31/12/2021            | 25.391,31          | 26.546,33 | (1.387,42)                           | -4,97%       |
| 31/12/2020            | 27.933,75          | 29.064,91 | 3.259,28                             | 12,63%       |
| 31/12/2019            | 25.805,63          | 26.606,29 | 314,80                               | 1,20%        |
| 31/12/2018            | 26.291,49          | 27.183,80 |                                      |              |

Theo số liệu này có thể thấy rằng tỷ lệ trung bình trượt giá ngoại tệ của 3 năm gần nhất là 2,95%. Cộng % chênh lệch tỷ giá này với mức lãi suất 3,5% thì tổng chi phí tài chính cho khoản vay ngoại tệ này dự kiến tầm 7,5%/năm, vẫn thấp hơn lãi suất vay VNĐ và chịu thả nổi lãi suất theo thị trường ở các năm tiếp theo. Bên cạnh đó, ngoại tệ thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phục vụ dự án cũng là euro, nên việc vay bằng euro sẽ tránh phát sinh chi phí chuyển tiền quốc tế, chênh lệch tỷ giá khi thanh toán tiền mua máy móc thiết bị.

**Kết luận**: Khoản vay 7.500.000 Euro từ nước ngoài với lãi suất cố định 3,5%/năm cho suốt thời gian vay sẽ tiết kiệm hơn rất nhiều so với việc vay bằng nội tệ trong nước với lãi suất hiện hành và quy định về thả nổi lãi suất ở Việt Nam.